

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN NĂM 2019

Luật Lực lượng dự bị động viên được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019 (Luật số 53/2019/QH14); Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 17/2019/L-CTN, ngày 03/12/2019; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020. Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên (DBĐV) được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nam khóa IX thông qua ngày 27/8/1996 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN¹

Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên (DBĐV) được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nam khóa IX thông qua ngày 27/8/1996, có hiệu lực thi hành từ ngày 09/9/1996. Sau hơn 23 năm thực hiện Pháp lệnh đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, là cơ sở góp phần thiết thực xây dựng lực lượng vũ trang nói chung và lực lượng DBĐV nói riêng ngày càng hùng hậu, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, nhiều chủ trương, quan điểm mới của Đảng, quy định mới của Hiến pháp năm 2013 liên quan đến lực lượng DBĐV chưa được thể chế, cụ thể hóa; một số nội dung của Pháp lệnh chưa thống nhất, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có quy định liên quan đến lực lượng DBĐV, như: Luật Quốc phòng, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Dân quân tự vệ; nhiều nội dung đang được điều chỉnh ở văn bản quy phạm pháp luật tính pháp lý chưa cao, chưa được điều chỉnh hoặc điều chỉnh chưa đầy đủ; quá trình thực hiện đã bộc lộ nhiều bất cập, vướng mắc, chưa phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, cụ thể ở một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất: Từ năm 1996 đến nay, Đảng ta đã ban hành các nghị quyết, chỉ thị với nhiều chủ trương, quan điểm mới về lực lượng DBĐV cần phải được

¹ Tờ trình số 104/TTr-CP ngày 26/3/2019 của Chính phủ.

thể chế hóa như:

- Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 05/10/2002 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng DBĐV *“Tổ chức xây dựng các đơn vị DBĐV có chất lượng toàn diện, chú trọng nâng cao chất lượng về chính trị, không ngừng nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của quân nhân dự bị; quản lý và huấn luyện chặt chẽ, bảo đảm vũ khí trang bị, vật chất hậu cần để sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ trong mọi tình huống diễn ra trên địa bàn và kịp thời bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội theo yêu cầu”*;

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới, xác định rõ và đồng bộ phương hướng, mục tiêu, quan điểm, yêu cầu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu về xây dựng khu vực phòng thủ: *“Tiếp tục hoàn thiện thể chế để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với lực lượng dân quân tự vệ, công an xã và lực lượng DBĐV. coi trọng nâng cao chất lượng giáo dục và huấn luyện lực lượng vũ trang địa phương”*;

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đã có sự phát triển về phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và lực lượng DBĐV nói riêng: *“Tiếp tục thực hiện việc điều chỉnh tổ chức quân đội để có cơ cấu cân đối giữa các quân, binh chủng, bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, lực lượng thường trực và DBĐV. Tổ chức quân đội theo hướng tinh, gọn, cơ động, có sức chiến đấu cao... Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ rộng khắp, lực lượng DBĐV hùng hậu, có chất lượng cao”*;

- Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định mục tiêu bảo vệ Tổ quốc có sự phát triển là *“Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình để xây dựng, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa...”* và khẳng định: *“... Xây dựng lực lượng DBĐV hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp, chủ động chuẩn bị lực lượng và các kế hoạch, phương án tác chiến cụ thể, khoa học, đủ khả năng bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia trong mọi tình huống”*.

Thứ hai: Hiến pháp năm 2013 có nhiều quy định mới về bảo vệ Tổ quốc, quốc phòng, về xây dựng lực lượng DBĐV; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và một số quy định khác liên quan đến lực lượng DBĐV. Trong khi đó, Pháp lệnh về lực lượng DBĐV chưa quy định hoặc quy định chưa đầy đủ để phù hợp với Hiến pháp năm 2013: “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*” (khoản 2 Điều 14); “*Nhà nước xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có lực lượng thường trực hợp lý, lực lượng DBĐV hùng hậu, lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh và rộng khắp, làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng*” (Điều 66). Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên ghi nhận quyền về an sinh xã hội của công dân tại Điều 34. Theo đó, công dân có quyền bảo đảm an sinh xã hội, đây là điểm mới về quyền của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp và mở rộng đối tượng bao phủ bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 1 Điều 58 “*Nhà nước, xã hội đầu tư phát triển sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân...*”. Để mọi công dân được bảo đảm quyền này, khoản 2 Điều 59 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người tàn tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn*”. Kết nối các quy định này trong Hiến pháp 2013, có thể khẳng định rằng đây là quy định thể hiện bước phát triển mới về quyền con người của công dân về an sinh xã hội nói chung và về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế nói riêng.

Thứ ba: Luật bình đẳng giới và các văn bản hướng dẫn thi hành, đặc biệt là Thông tư số 17/2014/TT-BTP, ngày 13/8/2014 quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, quá trình xây dựng dự án Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đã chủ động trong việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, cụ thể như sau:

Quá trình lập đề nghị xây dựng dự án Luật: Đã tổ chức rà soát, nghiên cứu các văn bản pháp luật liên quan, xác định cơ bản dự án Luật không có tác động nhiều về giới. Tuy nhiên, trong mỗi chính sách xây dựng Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đều lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, như: xây dựng chính sách huy động lực lượng DBĐV trong tình trạng khẩn cấp do thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm hoặc tình hình đe dọa nghiêm trọng đến an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; huy động lực lượng DBĐV phòng, chống, khắc phục sự

cổ, thiên tai, dịch bệnh hoặc tình hình đe dọa đến an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội khi chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp.

Thứ tư: Qua Tổng kết 20 năm thực hiện Pháp lệnh về lực lượng DBĐV trên phạm vi cả nước đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, nổi bật là: Thực hiện chế độ nền nếp đăng ký, quản lý, kiểm tra sức khỏe định kỳ 2 năm/lần đối với sĩ quan dự bị đã sắp xếp vào đơn vị DBĐV và tổ chức sinh hoạt toàn thể sĩ quan dự bị ở nhiều địa phương chưa thực hiện được; việc triển khai đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân chưa thực sự hiệu quả, các chủ phương tiện chưa tự giác chấp hành việc đăng ký, quản lý của cơ quan quân sự địa phương, việc xử lý vi phạm chưa nghiêm.

Nguồn quân nhân dự bị tuy nhiều nhưng phân bố không đều; tập trung nhiều ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, Nam Bộ, các thành phố lớn; các tỉnh miền Núi, Tây Nguyên và một số tỉnh phía Nam việc tổ chức các đơn vị DBĐV gặp khó khăn do chất lượng chuyên nghiệp quân sự của quân nhân dự bị đạt thấp. Sĩ quan dự bị thiếu so với yêu cầu do đầu vào hạn chế, số giải ngạch nhiều hơn số đăng ký vào ngạch; đào tạo sĩ quan dự bị chưa đáp ứng được nhu cầu do nguồn kinh phí hạn hẹp; chất lượng sĩ quan dự bị thấp, chủ yếu là đào tạo từ hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ, thời gian đào tạo ngắn, việc đào tạo, bổ túc, theo chức vụ chưa làm thường xuyên nên năng lực chỉ huy, huấn luyện, quản lý đơn vị DBĐV còn hạn chế. Công tác đào tạo hạ sĩ quan chỉ huy, đào tạo nhân viên chuyên môn kỹ thuật mới bảo đảm yêu cầu hiện tại của đơn vị; chưa đáp ứng cho công tác tạo nguồn động viên ở địa phương theo khu vực vùng, miền.

Thực tiễn đòi hỏi, huy động lực lượng DBĐV tham gia phòng, chống, khắc phục hậu quả do thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm; tuy nhiên, nội dung này chưa được quy định trong Pháp lệnh.

Việc bảo đảm doanh trại, thao trường, bãi tập cho huấn luyện tập trung đơn vị DBĐV gặp nhiều khó khăn; các đơn vị bộ đội địa phương cơ bản chưa có doanh trại, thao trường, bãi tập để tổ chức huấn luyện; một số đơn vị tổ chức huấn luyện phải ở nhờ trường học, hội trường ủy ban để làm nơi ăn, nghỉ cho quân nhân dự bị trong thời gian huấn luyện (sáng đi tối về hoặc ở trong nhà dân), do đó chưa kết hợp giữa huấn luyện với rèn luyện kỷ luật, xây dựng nền nếp chính quy, ảnh hưởng đến chất lượng huấn luyện của đơn vị DBĐV.

Chế độ, chính sách đối với quân nhân dự bị quy định trong Pháp lệnh không phù hợp với thực tế mặt bằng thu nhập chung của xã hội, chưa bảo đảm tính công bằng giữa các đối tượng được hưởng trong cùng hoàn cảnh, cùng điều kiện và chưa đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành. Mặt khác, Pháp

lệnh chưa quy định cụ thể chế độ, chính sách đối với người được huy động phục vụ nhiệm vụ xây dựng và huy động lực lượng DBĐV; chưa quy định chế độ, chính sách đối với chủ phương tiện khi có phương tiện được huy động.

Thứ năm: Từ thực tiễn các cuộc chiến tranh, xung đột trên thế giới, những năm gần đây và dự báo chiến tranh trong tương lai, ngoài chiến tranh truyền thống còn xuất hiện chiến tranh phi quy ước, chiến tranh ủy nhiệm, chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng và việc sử dụng vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử, tác chiến không gian mạng, an ninh phi truyền thống sẽ được sử dụng là chủ yếu, ngay từ đầu và trong suốt cuộc chiến tranh. Mặt khác, thế giới đã và đang có nhiều thay đổi khó lường về phương thức, quy mô, phạm vi, không gian, thời gian, môi trường, lực lượng và thủ đoạn tác chiến để tiến hành chiến tranh. Nhằm chủ động ngăn ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi và đối phó thắng lợi trong mọi tình huống, đánh bại mọi hình thức chiến tranh xâm lược nếu xảy ra, đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung các quy định của Pháp lệnh nâng thành Luật Lực lượng DBĐV tạo hành lang pháp lý đầy đủ và cao hơn nhằm đáp ứng sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

II. BỐ CỤC CỦA LUẬT LỰC LƯỢNG DBĐV

Luật Lực lượng DBĐV, gồm: 5 chương, 41 điều, cụ thể:

1. Chương I: Những quy định chung (gồm 07 điều, từ Điều 1 đến Điều 7), quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên; trách nhiệm của quân nhân dự bị được xếp trong đơn vị dự bị động viên; quyền và nghĩa vụ của chủ phương tiện kỹ thuật dự bị, người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị; bồi thường thiệt hại do việc huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị gây ra và các hành vi bị nghiêm cấm trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

2. Chương II: Xây dựng, huy động, tiếp nhận lực lượng DBĐV (21 điều, từ Điều 8 đến Điều 28), gồm 03 mục:

- **Mục 1. Kế hoạch xây dựng, huy động, tiếp nhận lực lượng dự bị động viên:** Quy định về thẩm quyền lập kế hoạch; nội dung kế hoạch; thẩm định và phê duyệt kế hoạch; rà soát, điều chỉnh, lập mới kế hoạch.

- **Mục 2: Xây dựng lực lượng dự bị động viên:** Quy định về đăng ký, quản lý quân nhân dự bị; đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị; giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng dự bị động viên; tổ chức biên chế đơn vị dự bị động viên; sắp xếp quân nhân dự bị vào đơn vị dự bị động viên; độ tuổi quân nhân dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên trong thời bình; sắp xếp phương tiện

kỹ thuật dự bị vào đơn vị dự bị động viên; thẩm quyền sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị vào đơn vị dự bị động viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ; giáng chức, cách chức; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; tước danh hiệu quân nhân, giải ngạch đối với quân nhân dự bị; tuyển chọn, đào tạo sĩ quan dự bị; huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, đơn vị dự bị động viên và chế độ sinh hoạt của quân nhân dự bị.

- Mục 3: Huy động, tiếp nhận lực lượng dự bị động viên: Quy định về các trường hợp huy động lực lượng dự bị động viên; huy động lực lượng dự bị động viên khi thực hiện lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ; huy động lực lượng dự bị động viên khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ; thông báo quyết định, lệnh huy động lực lượng dự bị động viên và tập trung, vận chuyển, giao nhận lực lượng dự bị động viên.

3. Chương III: Chế độ, chính sách và kinh phí bảo đảm cho xây dựng, huy động lực lượng DBĐV (gồm 06 điều, từ Điều 29 đến Điều 34), quy định về chế độ chính sách và kinh phí bảo đảm cho xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên từ Điều 29 đến Điều 34 quy định về phụ cấp đối với quân nhân dự bị được xếp, bổ nhiệm chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên; chế độ, chính sách đối với quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ; chế độ trợ cấp đối với gia đình quân nhân dự bị; chế độ, chính sách đối với người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị trong thời gian được huy động; nguồn kinh phí và nội dung chi cho xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

4. Chương IV: Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong xây dựng, huy động lực lượng DBĐV (gồm 06 điều, từ Điều 35 đến Điều 40), quy định về trách nhiệm của Chính phủ; trách nhiệm của Bộ Quốc phòng; trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp; trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức.

5. Chương V: Điều khoản thi hành (gồm 01 điều, Điều 41), quy định về hiệu lực thi hành của Luật.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT LỰC LƯỢNG DBĐV

1. Những quy định chung (chương I)

1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1):

Luật lực lượng DBĐV quy định về xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên; chế độ, chính sách; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

So với Pháp lệnh về lực lượng DBĐV năm 1996, đây là điều luật mới được bổ sung, bảo đảm kỹ thuật xây dựng văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

1.2. Nguyên tắc xây dựng, huy động lực lượng DBĐV (Điều 3)

Việc xây dựng, huy động lực lượng DBĐV phải tuân theo 06 nguyên tắc sau:

(1) Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý tập trung, thống nhất của Chính phủ và sự chỉ huy, chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

(2) Xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có trình độ chiến đấu cao và được quản lý chặt chẽ.

(3) Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân.

(4) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

(5) Xây dựng, huy động đơn vị dự bị động viên bảo đảm đủ quân số, phương tiện kỹ thuật dự bị; đúng tiêu chuẩn, thời gian; bảo đảm bí mật, an toàn theo quy định của pháp luật và kế hoạch được phê duyệt.

(6) Ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

1.3. Trách nhiệm của quân nhân dự bị được xếp trong đơn vị dự bị động viên (Điều 4)

- Quân nhân dự bị được xếp trong đơn vị dự bị động viên có trách nhiệm sau đây: (1) Kiểm tra sức khỏe; (2) Thực hiện lệnh gọi huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu; (3) Thực hiện chế độ sinh hoạt đơn vị dự bị động viên và nhiệm vụ do người chỉ huy giao; (4) Thực hiện lệnh huy động để bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân.

- Quân nhân dự bị giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên có trách nhiệm sau đây: (1) Thực hiện các quy định về trách nhiệm của quân nhân dự bị được xếp trong đơn vị dự bị động viên; (2) Nắm tình hình số lượng, chất lượng

đơn vị; duy trì đơn vị sinh hoạt theo chế độ và thực hiện chế độ báo cáo; (3) Quản lý, chỉ huy đơn vị khi huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu; (4) Quản lý, chỉ huy đơn vị để bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân.

1.4. Quyền về tài sản của tổ chức, công dân (Điều 5, Điều 6):

Điều 5 quy định quyền và nghĩa vụ của chủ phương tiện kỹ thuật dự bị, người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị, theo đó, chủ phương tiện kỹ thuật dự bị có nghĩa vụ chấp hành quyết định huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị, được hoàn trả phương tiện kỹ thuật dự bị, thanh toán các khoản chi phí và bồi thường thiệt hại do việc huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị gây ra; người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị có nghĩa vụ chấp hành quyết định huy động, được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 6 quy định bồi thường thiệt hại do việc huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị gây ra. Theo đó, chủ phương tiện kỹ thuật dự bị được bồi thường thiệt hại trong trường hợp: (1) Phương tiện kỹ thuật dự bị bị hư hỏng, bị mất hoặc bị tiêu hủy; (2) Thiệt hại về thu nhập do việc huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị trực tiếp gây ra. Người có thẩm quyền quyết định huy động, điều động phương tiện kỹ thuật dự bị có trách nhiệm thực hiện việc bồi thường thiệt hại. Mức bồi thường và việc chi trả tiền bồi thường thiệt hại cho chủ phương tiện kỹ thuật dự bị được thực hiện như đối với người có tài sản trưng dụng theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản. Trường hợp phương tiện kỹ thuật dự bị được huy động, điều động là tài sản nhà nước giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập bị hư hỏng, bị mất hoặc bị tiêu hủy thì được bố trí kinh phí để sửa chữa hoặc mua mới theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Luật lực lượng DBĐV quy định như trên là phù hợp với Hiến pháp năm 2013 về quyền về tài sản; việc quy định bồi thường thiệt hại là cần thiết, đồng thời viện dẫn mức bồi thường, việc chi trả tiền bồi thường thiệt hại cho chủ phương tiện thực hiện như đối với người có tài sản trưng dụng theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản là phù hợp, rõ ràng, minh bạch và bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

1.5. Các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 7)

Các hành vi bị nghiêm cấm trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên, gồm:

(1) Trốn tránh thực hiện trách nhiệm của quân nhân dự bị, nghĩa vụ của chủ phương tiện kỹ thuật dự bị được huy động, điều động.

(2) Chống đối, cản trở việc xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

(3) Huy động, điều động lực lượng dự bị động viên không có trong kế hoạch được phê duyệt.

(4) Lợi dụng, lạm dụng việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên xâm phạm lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(5) Phân biệt đối xử về giới trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.

2. Xây dựng, huy động, tiếp nhận lực lượng DBĐV (Chương II)

2.1. Kế hoạch xây dựng, huy động, tiếp nhận lực lượng DBĐV

2.1.1. Thẩm quyền lập kế hoạch (Điều 8)

Thẩm quyền lập kế hoạch được quy định như sau:

- Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ lập Kế hoạch nhà nước về xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được giao nhiệm vụ xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên lập kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được giao nhiệm vụ xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên lập kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên của đơn vị.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên của địa phương.

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thẩm quyền lập kế hoạch huy động, tiếp nhận lực lượng dự bị động viên của đơn vị Quân đội nhân dân.

2.1.2. Nội dung kế hoạch (Điều 9)

Luật quy định cụ thể về nội dung kế hoạch xây dựng lực lượng dự bị động viên; kế hoạch huy động lực lượng dự bị động viên; kế hoạch tiếp nhận lực lượng dự bị động viên, cụ thể:

- Nội dung kế hoạch xây dựng lực lượng dự bị động viên bao gồm: (1) Tổ chức biên chế đơn vị dự bị động viên; (2) Quản lý đơn vị dự bị động viên; (3) Tuyển chọn, đào tạo sĩ quan dự bị; (4) Huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu; (5) Công tác đảng, công tác chính trị; (6) Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính.

- Nội dung kế hoạch huy động lực lượng dự bị động viên bao gồm: (1) Thông báo quyết định huy động, lệnh huy động; (2) Tập trung, vận chuyển, giao nhận quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị; (3) Công tác đảng, công tác chính trị; (4) Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính; (5) Chỉ huy, điều hành việc huy động lực lượng dự bị động viên; (6) Bảo vệ trong quá trình tập trung, vận chuyển, giao nhận quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị.

- Nội dung kế hoạch tiếp nhận lực lượng dự bị động viên bao gồm: (1) Quyết định về việc thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận lực lượng dự bị động viên; (2) Tiếp nhận quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị; (3) Công tác đảng, công tác chính trị; (4) Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính.

2.1.3. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch (Điều 10).

Việc thẩm định và phê duyệt kế hoạch được quy định như sau:

- Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch nhà nước về xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên.

- Bộ Quốc phòng thẩm định; Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Ban chỉ huy quân sự Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thẩm định; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và cơ quan thuộc Chính phủ phê duyệt kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên của đơn vị thuộc quyền.

- Cơ quan Bộ Quốc phòng thẩm định; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt kế hoạch huy động, tiếp nhận lực lượng dự bị động viên của quân khu, kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

- Cơ quan quân khu thẩm định; Tư lệnh Quân khu phê duyệt kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn về kế hoạch và đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan thẩm định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan cấp trên trực tiếp thẩm định; Thủ trưởng cấp trên trực tiếp, phê duyệt kế hoạch tiếp nhận lực lượng dự bị động viên của đơn vị thuộc quyền trong Quân đội nhân dân.

2.1.4. Rà soát, điều chỉnh, lập mới kế hoạch (Điều 11)

- Điều 11 quy định về rà soát, điều chỉnh, lập mới kế hoạch, được thực hiện trên nguyên tắc hằng năm, cơ quan, đơn vị được giao lập kế hoạch xây dựng, huy động, tiếp nhận lực lượng DBĐV phải rà soát kế hoạch xây dựng, huy động, tiếp nhận lực lượng DBĐV.

- Kế hoạch xây dựng, huy động, tiếp nhận lực lượng DBĐV được điều chỉnh trong trường hợp có sự thay đổi nội dung nhưng chưa đến mức phải lập mới.

- Kế hoạch xây dựng, huy động, tiếp nhận lực lượng DBĐV được lập mới khi có thay đổi chỉ tiêu về quân nhân dự bị hoặc phương tiện kỹ thuật dự bị từ 30% trở lên; thay đổi địa phương giao hoặc đơn vị nhận quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị.

2.2. Xây dựng lực lượng DBĐV

2.2.1. Đăng ký, quản lý quân nhân dự bị (Điều 12)

Điều 12 quy định về đăng ký, quản lý quân nhân dự bị, theo đó, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đăng ký quân nhân dự bị cho công dân cư trú tại địa phương; Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã thực hiện quản lý quân nhân dự bị cư trú tại địa phương; Ban chỉ huy quân sự cấp huyện phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc tại cơ quan, tổ chức trên địa bàn. Nội dung quy định tại Điều 12 của Luật, thống nhất với Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Dân quân tự vệ về đăng ký quân nhân dự bị. Đối với quân nhân dự bị là sĩ quan dự bị, Chính phủ sẽ quy định cụ thể thống nhất với triển khai thi hành Luật này và Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.

2.2.2. Đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị (Điều 13)

Điều 13 quy định đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị; việc đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị, giao cho cơ quan chức năng nhà nước thực hiện trên cơ sở cung cấp thông tin của cơ quan đăng ký quyền sở hữu, cơ quan quản lý phương tiện và Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức báo cáo, cung cấp thông tin về phương tiện kỹ thuật dự bị không thuộc diện đăng ký quyền sở hữu phương tiện kỹ thuật dự bị. Quy định đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị như trên không ảnh hưởng quyền tài sản của công dân, tổ chức, tránh phiền hà đến chủ phương tiện có phương tiện kỹ thuật dự bị thuộc diện đăng ký, quản lý, không ảnh hưởng đến hoạt động, kinh doanh của phương tiện. Chính phủ quy định Danh mục phương tiện kỹ thuật dự bị và việc đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị.

2.2.3. Giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng dự bị động viên (Điều 14)

Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng dự bị động viên cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Căn cứ chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao, việc giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng dự bị động viên được quy định như sau:

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định quy mô, loại hình tổ chức và số lượng đơn vị dự bị động viên cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quyết định chỉ tiêu tiếp nhận lực lượng dự bị động viên và quy định động viên trong từng trạng thái sẵn sàng chiến đấu cho đơn vị Quân đội nhân dân.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng dự bị động viên cho cơ quan, đơn vị thuộc quyền.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng dự bị động viên cho cơ quan, đơn vị thuộc quyền và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao chỉ tiêu xây dựng lực lượng dự bị động viên cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

2.2.4. Tổ chức biên chế đơn vị dự bị động viên (Điều 15)

Điều 15 quy định về tổ chức biên chế đơn vị DBĐV; khoản 2 quy định cụ thể số lượng dự phòng từ 10% đến 15% được thực tiễn chứng minh số lượng dự phòng đối với các đơn vị DBĐV là cần thiết để bảo đảm tính chủ động, kịp thời về nguồn dự bị trong sắp xếp, điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu theo yêu cầu nhiệm vụ.

2.2.5. Sắp xếp quân nhân dự bị vào đơn vị dự bị động viên (Điều 16)

Việc sắp xếp quân nhân dự bị vào đơn vị dự bị động viên được thực hiện như sau:

- Sắp xếp quân nhân dự bị đủ tiêu chuẩn về sức khỏe, có chuyên nghiệp quân sự đúng với chức danh biên chế; gắn địa bàn tuyển quân với địa bàn động viên; trường hợp thiếu thì sắp xếp quân nhân dự bị có chuyên nghiệp quân sự gần đúng với chức danh biên chế.

- Sắp xếp quân nhân chuyên nghiệp dự bị, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị được thực hiện theo thứ tự quân nhân chuyên nghiệp dự bị, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị hạng một trước, trường hợp thiếu thì sắp xếp binh sĩ dự bị hạng hai.

- Sắp xếp quân nhân dự bị vào đơn vị dự bị động viên thuộc đơn vị bộ đội chủ lực trước, đơn vị bộ đội địa phương sau.

2.2.6. Độ tuổi quân nhân dự bị sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên trong thời bình (Điều 17)

- Độ tuổi quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị sắp xếp vào đơn vị DBĐV được quy định như sau:

+ Nam quân nhân chuyên nghiệp dự bị không quá 40 tuổi; hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị không quá 35 tuổi được sắp xếp vào đơn vị chiến đấu;

+ Nam quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị không quá 45 tuổi; nữ quân nhân dự bị không quá 40 tuổi được sắp xếp vào đơn vị bảo đảm chiến đấu.

- Việc quy định độ tuổi của quân nhân dự bị đã được đánh giá kỹ tác động, sắp xếp vào đơn vị chiến đấu, sắp xếp vào đơn vị bảo đảm chiến đấu bảo đảm nguồn để huy động vào lực lượng DBĐV.

2.2.7. Thẩm quyền sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị vào đơn vị dự bị động viên (Điều 19)

Điều 19 quy định về thẩm quyền sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị vào đơn vị DBĐV; theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với đơn vị thường trực của Quân đội nhân dân có chỉ tiêu tiếp nhận lực lượng DBĐV thực hiện việc sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị vào đơn vị DBĐV. Việc quy định thẩm quyền thể hiện điều hành của chính quyền các cấp trên cơ sở cơ quan quân sự địa phương chủ trì, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể làm tham mưu.

2.2.8. Huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, đơn vị dự bị động viên (Điều 22)

Luật quy định, Thủ tướng Chính phủ quyết định chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, đơn vị dự bị động viên hằng năm cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, việc giao chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, đơn vị dự bị động viên được quy định như sau:

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu cho cơ quan, đơn vị thuộc quyền.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao chỉ tiêu huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao chỉ tiêu cụ thể cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

2.2.9. Chế độ sinh hoạt của quân nhân dự bị (Điều 23)

Điều 23 quy định về chế độ sinh hoạt của quân nhân dự bị, theo đó giao cho cấp huyện, cấp xã tổ chức sinh hoạt là cấp trực tiếp đăng ký, quản lý quân nhân dự bị, thực hiện nguyên tắc Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự chủ trì phối hợp với các ban, ngành làm tham mưu, cụ thể:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức sinh hoạt cho quân nhân dự bị giữ chức vụ chỉ huy đơn vị DBĐV từ tiểu đội trưởng và tương đương trở lên.

- Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã tổ chức sinh hoạt cho quân nhân dự bị đã xếp vào đơn vị DBĐV.

2.3. Huy động, tiếp nhận lực lượng DBĐV

2.3.1. Các trường hợp huy động lực lượng dự bị động viên (Điều 24)

Việc huy động lực lượng dự bị động viên được thực hiện trong 4 trường hợp sau: (1) Khi thực hiện lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ; (2) Khi thi hành lệnh thiết quân luật; (3) Khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; (4) Để phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm.

Việc quy định như trên thống nhất với Luật Quốc phòng trong sử dụng lực lượng vũ trang có hiệu quả cao nhất khi có tình huống để phòng, chống, khắc phục hậu quả, ổn định tình hình.

2.3.2. Huy động lực lượng dự bị động viên khi thực hiện lệnh tổng động viên hoặc lệnh động viên cục bộ (Điều 25)

Luật quy định, căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, lệnh huy động của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, việc huy động lực lượng dự bị động viên được quy định như sau:

- Người có thẩm quyền theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Nghĩa vụ quân sự quyết định gọi quân nhân dự bị nhập ngũ.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định điều động phương tiện kỹ thuật dự bị trong đơn vị dự bị động viên do cơ quan mình xây dựng.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định huy động phương tiện kỹ thuật dự bị ở địa phương; trường hợp đơn vị Quân đội nhân dân không có người vận hành, điều khiển thì được quyết định huy động người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc huy động phương tiện kỹ thuật dự bị, người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị.

2.3.1. Huy động lực lượng dự bị động viên khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ (Điều 26)

Huy động lực lượng dự bị động viên khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ được quy định như sau:

- Việc huy động lực lượng dự bị động viên khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ được thực hiện trong trường hợp sau: (1) Khi thi hành lệnh thiết quân luật; (2) Khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; (3) Để phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định huy động quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị trong trường hợp sau: (1) Khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; (2) Để phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch

bệnh nguy hiểm

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc huy động quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị.

- Người chỉ huy đơn vị Quân đội nhân dân được giao quản lý địa phương thiết quân luật quyết định huy động quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị.

2.3.2. Thông báo quyết định, lệnh huy động lực lượng dự bị động viên (Điều 27)

- Về trách nhiệm thông báo quyết định, lệnh huy động lực lượng dự bị động viên:

+ Bộ Tổng Tham mưu thông báo lệnh huy động đơn vị dự bị động viên của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đến Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng và chỉ đạo việc thông báo lệnh huy động đến cơ quan quân sự địa phương, đơn vị cơ sở của Quân đội nhân dân.

+ Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thông báo quyết định huy động lực lượng dự bị động viên của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và cơ quan thuộc Chính phủ đến đơn vị thuộc quyền và chỉ đạo việc thông báo quyết định huy động đến đơn vị cơ sở.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo quyết định huy động lực lượng dự bị động viên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đến cơ quan, đơn vị thuộc quyền, các đoàn thể có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh thông báo lệnh huy động đơn vị dự bị động viên của Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh và lệnh gọi sĩ quan dự bị nhập ngũ của cấp có thẩm quyền đến cơ quan quân sự cấp huyện.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo quyết định huy động quân nhân dự bị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đến Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức có liên quan.

Cơ quan quân sự cấp huyện thông báo quyết định huy động phương tiện kỹ thuật dự bị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, lệnh gọi sĩ quan dự bị nhập ngũ của cấp trên và thông báo lệnh gọi quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ

quan, binh sĩ dự bị nhập ngũ của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện đến Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức có liên quan.

+ Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm chuyển lệnh gọi nhập ngũ của cấp trên đến từng quân nhân dự bị, quyết định huy động phương tiện kỹ thuật dự bị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đến từng chủ phương tiện kỹ thuật dự bị.

+ Cơ quan quân sự địa phương và đơn vị thường trực của Quân đội nhân dân có nhiệm vụ giao nhận lực lượng dự bị động viên phải thông báo cho nhau về việc giao nhận lực lượng dự bị động viên.

- Thời hạn hoàn thành thông báo quyết định huy động và lệnh huy động quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị được xác định trong kế hoạch huy động lực lượng dự bị động viên.

2.3.3. Tập trung, vận chuyển, giao nhận lực lượng dự bị động viên (Điều 28)

Việc tập trung, vận chuyển, giao nhận lực lượng dự bị động viên được quy định như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực, hiện việc tập trung, vận chuyển, bàn giao lực lượng dự bị động viên cho đơn vị thường trực của Quân đội nhân dân; tổ chức tiếp nhận lực lượng dự bị động viên sau khi thực hiện xong nhiệm vụ.

- Đơn vị thường trực của Quân đội nhân dân tiếp nhận lực lượng dự bị động viên được bổ sung; bàn giao lực lượng dự bị động viên cho Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức sau khi thực hiện xong nhiệm vụ.

- Địa điểm tập trung lực lượng dự bị động viên do Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định. Địa điểm tiếp nhận lực lượng dự bị động viên do đơn vị thường trực của Quân đội nhân dân xác định.

3. Chế độ, chính sách và kinh phí bảo đảm cho xây dựng, huy động lực lượng DBĐV (Chương III)

- Điều 29 quy định về phụ cấp đối với quân nhân dự bị đã xếp, bổ nhiệm chức vụ chỉ huy đơn vị DBĐV; quy định này nhằm động viên, khuyến khích, đề cao trách nhiệm của quân nhân dự bị và góp phần bảo đảm công bằng xã hội giữa các đối tượng được hưởng trong cùng hoàn cảnh, cùng điều kiện và đồng

bộ với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Điều 30 quy định về chế độ, chính sách đối với quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ; bảo đảm cho quân nhân dự bị thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu, trên cơ sở cần và đủ trong hoạt động của lực lượng này.

- Điều 31 quy định chế độ trợ cấp đối với gia đình quân nhân dự bị; quy định của điều Luật nhằm hỗ trợ cho gia đình quân nhân dự bị trong thời gian quân nhân dự bị tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ, do đặc thù quân nhân dự bị phục vụ trong ngạch dự bị cơ bản là trụ cột chính của gia đình, vì vậy cần có chế độ trợ cấp đối với gia đình quân nhân dự bị thích hợp để tạo điều kiện quân nhân dự bị yên tâm công tác, phục vụ.

- Điều 32 quy định chế độ, chính sách đối với người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị trong thời gian được huy động; quy định của Điều luật nhằm bảo đảm quyền về tài sản của tổ chức, công dân theo quy định của Hiến pháp, thống nhất với quy định của pháp luật về trung mua, trung dụng tài sản.

- Điều 34 quy định nội dung chi cho xây dựng, huy động lực lượng DBĐV; việc quy định cụ thể nội dung Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức chi cho các công việc để bảo đảm tính minh bạch và thuận lợi trong tổ chức thực hiện.

Quy định chế độ, chính sách cho xây dựng, huy động lực lượng DBĐV tương xứng, phù hợp với các yếu tố đặc thù của lực lượng này thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Luật giao cho Chính phủ quy định cụ thể chế độ, chính sách cho xây dựng, huy động lực lượng DBĐV phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong xây dựng, huy động lực lượng DBĐV (Chương 4)

Luật quy định cụ thể trách nhiệm của Chính phủ; Bộ Quốc phòng; Bộ,

cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; chính quyền địa phương các cấp; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; cơ quan, tổ chức nơi quân nhân dự bị đang lao động, học tập, làm việc. Đây là những nội dung mới được bổ sung quy định trong Luật./.

Nơi nhận:

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Các TC: CT-XH, CT-XH-NN tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN, HTX;
- Báo cáo viên PL cấp tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Phòng TP huyện, TP;
- Webside STP (đăng tải);
- Lưu XDKTTHPL&PBGDPL.

(Để
tuyên
truyền)

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG